

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/DS-ST.

Ngày: 15-02-2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Đỗ Thị Thúy Diễm**.

+ Ông **Phan Thành Phước**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị S** - Sinh năm: 1968, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà **Lê Thị S** trình bày: Bà S có cho bà T vay các khoản tiền như sau:

(1) Ngày 15 tháng 5 âm lịch năm 2018, bà S có cho bà T vay 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng), việc vay tiền có làm một tờ giấy tay, có chữ ký của bà T. Hai bên thỏa thuận miệng về tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Bà T có trả tiền lãi được 18 (mười tám) tháng với tổng số tiền lãi là 7.200.000VNĐ (bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Việc trả tiền lãi không có làm giấy tờ.

(2) Ngày 28 tháng 11 âm lịch năm 2019, bà S có cho bà T vay 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng), có làm một tờ giấy tay, có chữ ký của bà T. Hai bên thỏa thuận miệng về tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả tiền. Khoản vay này bà T chưa trả tiền lãi.

Cho đến nay bà T chưa trả được khoản tiền gốc nào cho bà S. Bà S yêu cầu bà T phải trả số tiền vay là 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 28/11/2019 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lê Thị S rút yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền lãi, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền gốc đã vay là 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng).

Bà T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc bà T phải trả cho bà S số nợ gốc là 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng), đình chỉ giải quyết yêu cầu trả tiền lãi của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với bị đơn là bà T có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải; đồng thời bà S có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ việc, Tòa án đã giao thông báo giao nộp chứng cứ nhưng bà T không có ý kiến phản đối đối với hai tờ giấy ghi nhận việc mượn tiền ngày 15 tháng 5 năm 2018, ngày 28 tháng 11 năm 2019

mà bà S cung cấp. Trên cơ sở lời trình bày của bà S, các giấy ghi nhận việc mượn tiền xác định được tổng số tiền bà S có cho bà T vay là 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng), vay không thời hạn.

[3.2] Bà S cho rằng bà T chưa trả tiền cho bà S, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là có trả được khoản tiền nào cho bà S theo thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận là bà T vẫn còn nợ bà S số tiền vay là 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng).

[3.3] Tại phiên tòa sơ thẩm bà S rút yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 28/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 23/12/2019 dương lịch) đến ngày xét xử là 37 (ba mươi bảy) tháng 23 (hai mươi ba) ngày với số tiền lãi là 33.990.000VNĐ (ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng). Việc rút yêu cầu khởi kiện này của bà S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu mà bà S đã rút yêu cầu khởi kiện.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà S được chấp nhận nên bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 217, 219, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả tiền lãi đối với số nợ gốc là 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng) với mức lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 28/11/2019 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án với số tiền là 33.990.000VNĐ (ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

2/ Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị S số nợ gốc là 90.000.000VNĐ (chín mươi triệu đồng).

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1) Hoàn trả lại cho bà Lê Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 2.745.000VNĐ (hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000550 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

4.2) Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 4.500.000VNĐ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bà T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên